

**CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ**  
**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU TỪ THIẾT BỊ GIÁM**  
**SÁT HÀNH TRÌNH TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN**  
**CỦA TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**Thời gian:** ngày 06/9/2014

**Địa điểm:** Trung tâm Hội nghị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8h00 – 8h30	Đón tiếp đại biểu	Vụ Vận tải
8h30 – 8h40	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Lãnh đạo Vụ Vận tải
8h40 – 9h00	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Phó TCT Nguyễn Văn Quyền
9h00 – 9h30	Báo cáo kết quả triển khai xây dựng và hoạt động của Trung tâm xử lý khai thác và sử dụng dữ liệu từ thiết bị GSHT.	Lãnh đạo Vụ Vận tải
9h30 – 10h00	Thảo luận, đóng góp ý kiến và giải đáp	Lãnh đạo Tổng cục ĐBVN, Lãnh đạo Vụ Vận tải, các đơn vị tham dự Hội nghị
10h00 – 10h15	Nghỉ giải lao	
10h15 – 11h15	Thảo luận, đóng góp ý kiến và giải đáp	Lãnh đạo Tổng cục ĐBVN, Lãnh đạo Vụ Vận tải, các đơn vị tham dự Hội nghị
11h15 – 11h30	Bế mạc Hội nghị	Phó TCT Nguyễn Văn Quyền

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2014

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA TRUNG TÂM XỬ LÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU**  
**TỪ THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH**

Để khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình (GSHT) nhằm góp phần tăng cường công tác quản lý hoạt động vận tải và đảm bảo trật tự an toàn giao thông, được sự đồng ý của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam đã khẩn trương xây dựng và chính thức đưa Trung tâm xử lý và khai thác, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình tại Tổng cục ĐBVN (Trung tâm) vào hoạt động từ tháng 3/2014.

Qua 6 tháng hoạt động cho thấy, tuy chưa hoàn thành các bước xây dựng nhưng Trung tâm đã có tác động tích cực góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động vận tải và đảm bảo an toàn giao thông. Tuy nhiên, qua quá trình hoạt động cũng cho thấy còn tồn tại và nảy sinh một số vấn đề cần phải được khẩn trương khắc phục nhằm phát huy hết hiệu quả của Trung tâm.

Để đánh giá đầy đủ các kết quả đã đạt được và những mặt còn tồn tại, hạn chế trong quá trình khai thác, sử dụng dữ liệu từ thiết bị GSHT, Tổng cục ĐBVN báo cáo kết quả triển khai xây dựng và hoạt động của Trung tâm xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu từ thiết bị GSHT như sau:

**I. Kết quả triển khai xây dựng Trung tâm.**

**1. Công tác chỉ đạo.**

- Ngày 14/02/2014, Tổng cục ĐBVN đã có Văn bản số 501/TCĐBVN-VT yêu cầu các đơn vị kinh doanh vận tải, các đơn vị cung cấp thiết bị và dịch vụ GSHT thực hiện truyền dữ liệu về Trung tâm

- Ngày 05/3/2014, Tổng cục ĐBVN có Văn bản số 828/TCĐBVN-VT tiếp tục đơn đốc, nhắc nhở các đơn vị khẩn trương truyền đầy đủ dữ liệu về Tổng cục trước ngày 12/3/2014.

- Ngày 11/3/2014, Tổng cục có Văn bản số 828/TCĐBVN-VT gửi các Sở GTVT yêu cầu cập nhật dữ liệu và khai thác, sử dụng dữ liệu tại Trung tâm. Trong đó, Tổng cục đã xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng và gửi tài khoản đăng nhập vào hệ thống cho từng Sở để triển khai cập nhật dữ liệu.

**2. Công tác triển khai thực hiện xây dựng Trung tâm.**

a) Tổng cục ĐBVN đã phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật hoàn thành bước đầu việc xây dựng phần mềm xử lý dữ liệu từ thiết bị GSHT và chính thức đưa Trung tâm vào hoạt động từ ngày 01/3/2014.

b) Ngày 08/4/2014 Tổng cục đã tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm khai thác, sử dụng dữ liệu để theo dõi, nhắc nhở và xử lý vi phạm đối với tất cả các Sở GTVT tại Hà Nội.

c) Về cập nhật dữ liệu lên hệ thống: hầu hết các Sở GTVT đã thực hiện xong việc cập nhật dữ liệu và tiếp tục rà soát dữ liệu đã cập nhật lên hệ thống để đảm bảo chính xác; tuy nhiên đến nay Sở GTVT An Giang vẫn chưa thực hiện cập nhật (mặc dù Tổng cục đã nhiều lần nhắc nhở).

d) Hiện nay, Tổng cục ĐBVN đang tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật để hoàn thiện phần mềm, đồng thời hướng dẫn, đôn đốc các Sở GTVT cập nhật đầy đủ và sử dụng dữ liệu trên hệ thống để theo dõi các phương tiện của địa phương.

Sau khi đưa Trung tâm vào hoạt động, đến nay đã bổ sung, hoàn thiện thêm phần mềm với một số nội dung sau:

- Báo cáo tổng hợp kết quả truyền dữ liệu theo đơn vị cung cấp thiết bị, theo đơn vị vận tải và theo Sở GTVT;

- Bổ sung thêm 01 tài khoản cho các Sở để dành riêng cho việc tra cứu, theo dõi, giám sát (không cho phép chỉnh sửa dữ liệu);

- Bổ sung việc áp tốc độ xe chạy theo loại xe và sức chứa của xe trên bản đồ số;

- Bổ sung chế độ tìm kiếm phương tiện và đơn vị vận tải không phân biệt chữ hoa, chữ thường;

- Bổ sung phần xử lý tốc độ trên các đường cao tốc, áp dụng thí điểm giám sát tốc độ theo biển báo thực tế trên toàn tuyến quốc lộ 5 và tuyến quốc lộ 1 đoạn từ Lạng Sơn đến Thanh Hóa;

- Bổ sung chế độ lưu vết các dữ liệu trên hệ thống khi có sự thay đổi hoặc xóa dữ liệu tại một thời điểm bất kỳ;

- Cập nhật bản đồ số của Công ty Việt bản đồ theo chỉ đạo của Bộ GTVT;

- Bổ sung chuyên mục hỗ trợ trực tuyến trên hệ thống để hỗ trợ tối đa các khó khăn của các Sở trong quá trình khai thác;

- Tiếp tục tối ưu hóa hệ thống đảm bảo nâng cao hiệu quả xử lý dữ liệu.

## **II. Kết quả hoạt động của Trung tâm**

### **1. Kết quả truyền dẫn, tổng hợp, phân tích dữ liệu**

#### **a) Tình hình truyền dữ liệu**

Tổng số đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình và dịch vụ xử lý dữ liệu GSHT trên hệ thống của Tổng cục là 68 đơn vị (trong đó, 51 đơn vị đã được Bộ GTVT công bố chúng nhận hợp chuẩn và 9 đơn vị đã bị rút Giấy chứng nhận hợp chuẩn)

Tính đến hết ngày 30/8/2014 đã có 50 đơn vị đã truyền dữ liệu của 72.000 phương tiện về máy chủ của Tổng cục, còn lại 18 đơn vị chưa thực hiện truyền dữ liệu theo quy định (trong đó, 7 đơn vị đã liên hệ gửi tài khoản nhưng chưa truyền dữ liệu, 11 đơn vị không liên hệ được).

**b) Kết quả phân tích, tổng hợp dữ liệu.**

- Về số lần vi phạm tốc độ

**Bảng tổng hợp số lần vi phạm tốc độ từ tháng 4 – 7/2014**

TT	Tốc độ vi phạm	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7
1	Vi phạm quá tốc độ trên 35 km/h	5,314	12,631	10,738	10,460
2	Vi phạm quá tốc độ từ 20-35 km/h	63,684	161,368	145,657	159,629
3	Vi phạm quá tốc độ từ 10-20 km/h	305,119	746,089	700,753	825,847
4	Vi phạm quá tốc độ dưới 10 km/h	756,665	2,180,990	2,273,620	2,875,074
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,130,782</b>	<b>3,101,078</b>	<b>3,130,768</b>	<b>3,871,010</b>

Số lần vi phạm tốc độ liên tục tăng lên từ 1,1 triệu lần trong tháng 4, đến tháng 7 là hơn 3,8 triệu lần tăng khoảng 2,7 triệu lần, nguyên nhân là do trong thời gian đầu triển khai, dữ liệu của các phương tiện truyền về ít và tăng dần trong các tháng gần đây. Tuy nhiên, vi phạm tốc độ từ 10 km/h trở lên có chiều hướng giảm rõ rệt từ 33% trong tháng 4 giảm xuống còn 26% trong tháng 7, còn lại trên 70% là vi phạm tốc độ dưới 10 km/h. Trong tháng 7/2014, một số địa phương có tỷ lệ vi phạm tốc độ từ 10km/h trở lên ở mức cao từ trên 40% như: An Giang, Bắc Kạn, Bình Định, Lào Cai, Quảng Ngãi, Trà Vinh, Đắk Lắk.

**Bảng tổng hợp tỷ lệ vi phạm tốc độ từ tháng 4 – 7/2014**

TT	Nội dung	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B. quân
1	Tỷ lệ số xe vi phạm (%)	30.0	34.0	49.0	50.0	40.8
2	Tỷ lệ km xe vi phạm (%)	2.4	3.7	2.5	2.0	2.6
3	Tỷ lệ số lần vi phạm/1000 km	9.4	10.3	7.1	6.2	8.3

Tỷ lệ số xe vi phạm trong các tháng vừa qua liên tục tăng từ 30% trong tháng 4 lên 70% trong tháng 7, nguyên nhân do số lượng phương tiện truyền dữ liệu về Tổng cục tăng lên (số liệu này tính cả những phương vi phạm tốc độ dưới 5 km/h).

Về tỷ lệ km xe vi phạm/tổng km xe chạy có xu hướng giảm rõ rệt, chỉ tăng trong tháng 5 lên 3,7% sau đó giảm xuống còn 2,0% trong tháng 7. Trong tháng 7/2014, một số địa phương có tỷ lệ vi phạm ở mức cao từ 6 % trở lên như: Lâm Đồng, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Đà Nẵng.

Về tỷ lệ số lần vi phạm/1000 km cũng giảm đáng kể, từ 9,4 lần/1000 km trong tháng 4 giảm xuống còn 6,2 lần/1000 km trong tháng 7. Trong tháng 7/2014, một số địa phương có tỷ lệ vi phạm ở mức cao từ 20 lần vi phạm/1000 km trở lên như: Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Định, Cà Mau, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Nghệ An, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Đà Nẵng, Đắk Nông.

- Về vi phạm thời gian lái xe liên tục và thời gian làm việc của lái xe trong ngày.

**Bảng tổng hợp số lần vi phạm thời gian lái xe từ tháng 4 – 7/2014**

TT	Nội dung vi phạm	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7
1	Vi phạm TG lái xe liên tục	7,557	19,133	37,368	46,492
2	Vi phạm TG làm việc trong ngày	1,906	5,234	10,620	12,133

+ Về vi phạm thời gian lái xe liên tục: theo số liệu thống kê cho thấy, số lần vi phạm về thời gian lái xe liên tục trong thời gian qua liên tục tăng, đặc biệt là trong tháng 6 và tháng 7. Một số địa phương có mức tăng cao như: Hải Phòng, Tp Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Lâm Đồng.

+ Về vi phạm thời gian làm việc của lái xe trong ngày: cũng giống như vi phạm về thời gian lái xe liên tục, trong những tháng vừa qua vi phạm thời gian làm việc của lái xe trong ngày đều tăng, đặc biệt là trong tháng 6 và tháng 7. Một số địa phương có mức tăng cao như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Nam Định.

## **2. Kết quả xử lý vi phạm qua dữ liệu từ thiết bị GSHT.**

Kể từ khi chính thức đưa Trung tâm vào hoạt động, hàng tháng, Tổng cục đều có văn bản gửi các Sở GTVT thông báo kết quả phân tích, tổng hợp dữ liệu trên hệ thống, đồng thời yêu cầu các Sở tăng cường khai thác, sử dụng và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BGTVT ngày 26/12/2013 của Bộ GTVT.

Trên cơ sở thông báo hàng tháng về vi phạm qua thiết bị GSHT của Tổng cục ĐBVN, đến nay đã có 37 Sở GTVT có văn bản nhắc nhở, yêu cầu các đơn vị vận tải cam kết không tái phạm hoặc xử lý thu hồi phù hiệu chạy xe, thu hồi chấp thuận khai thác tuyến theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BGTVT ngày 26/12/2013 của Bộ

GTVT. Các Sở GTVT đã thu hồi phù hiệu đối với 304 xe, đình chỉ khai thác tuyến đối với 95 xe, từ chối cấp phù hiệu 4 xe).

Việc xử lý các vi phạm theo quy định tại Thông tư 55/2013/TT-BGTVT bước đầu đã có tác động tích cực đến công tác quản lý lái xe, phương tiện của các đơn vị kinh doanh vận tải, góp phần bảo đảm an toàn giao thông và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải trong thời gian vừa qua. Trong đó, một số Sở GTVT đã rất quyết liệt trong việc xử lý các vi phạm quá tốc độ bằng hình thức thu hồi phù hiệu chạy xe, thu hồi chấp thuận tuyến theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BGTVT ngày 26/12/2013 của Bộ GTVT, điểm hình như: An Giang, Bình Thuận, Tp Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Thái Bình, Quảng Ninh, Quảng Bình, Hải Phòng, Cao Bằng, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế; đối với 26 Sở GTVT còn lại chưa có báo cáo nên chưa có đánh giá cụ thể.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

### **3. Một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc**

- Trên hệ thống của Tổng cục chưa tổng hợp, phân tích được đầy đủ, chính xác các dữ liệu vi phạm về:

+ Hành trình chạy xe. Nguyên nhân do hiện nay chưa hoàn thành việc xây dựng bản đồ số chính thức của Bộ GTVT nên chưa tiến hành cập nhật dữ liệu của toàn bộ các tuyến vận tải cố định lên hệ thống, mặt khác hành trình chạy xe của các loại hình vận tải khác không cố định mà phụ thuộc vào yêu cầu vận chuyển hàng ngày nên dữ liệu này chủ yếu phục vụ công tác quản lý của đơn vị vận tải.

+ Số lần và thời gian đóng mở cửa xe. Nguyên nhân do hiện nay dữ liệu từ các đơn vị GSHT gửi về máy chủ của Tổng cục chưa đầy đủ, chính xác, nhiều phương tiện cũ không có cảm biến đóng, mở cửa.

- Còn nhiều phương tiện không truyền dữ liệu lên hệ thống nhưng chưa được các Sở GTVT kịp thời kiểm tra, đôn đốc và xử lý. Các đơn vị cung cấp dịch vụ chưa thực hiện truyền dữ liệu theo quy định chủ yếu là các đơn vị có số lượng thiết bị đã lắp đặt ít, đội ngũ kỹ thuật yếu, thậm chí có đơn vị còn không có đội ngũ kỹ thuật và các đơn vị đã bị Bộ GTVT thu hồi Giấy chứng nhận hợp quy.

- Một số Sở GTVT chưa cương quyết xử lý đối với các vi phạm được phát hiện thông qua dữ liệu từ thiết bị GSHT, chưa thực hiện nghiêm chế độ báo cáo kết quả theo yêu cầu của Tổng cục, dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Việc cập nhật dữ liệu tại một số Sở còn chậm, đặc biệt là Sở GTVT An Giang chưa thực hiện cập nhật, vì vậy gây khó khăn trong việc thống kê, đánh giá tình hình vi phạm của các phương tiện trên địa bàn.

- Có sự chênh lệch về số lần và tốc độ vi phạm giữa kết quả xử lý của Trung tâm với kết quả xử lý dữ liệu của các đơn vị cung cấp dịch vụ GSHT dẫn đến những thắc mắc, khó khăn khi xử lý vi phạm. Nguyên nhân do tần suất truyền dữ liệu, phương pháp thống kê, tính toán chưa được quy định thống nhất.

- Chưa có bản đồ số để giám sát chặt chẽ về tốc độ của các phương tiện tham gia kinh doanh vận tải.

- Việc xác định mức độ vi phạm căn cứ vào tỷ lệ số chuyến xe vi phạm so với tổng số chuyến xe thực hiện của đơn vị vận tải (theo quy định tại Thông tư 23/2014/TT-BGTVT ngày 26/06/2014 của Bộ GTVT) là rất khó xác định, đặc biệt đối với các loại hình vận tải không phải là vận tải khách theo tuyến cố định

- Vi phạm về thời gian lái xe liên tục và thời gian làm việc của lái xe trong ngày còn tăng cao, một phần do nguyên nhân thao tác nhấn tin đổi lái xe trên nhiều thiết bị thường không thành công dẫn đến nhiều lái xe vi phạm.

- Tại một số địa phương đã xuất hiện tình trạng lái xe lắp thêm công tắc để tắt thiết bị khi phương tiện chạy quá tốc độ. Qua theo dõi cũng cho thấy, trên thị trường hiện nay đã xuất hiện nhiều thiết bị làm nhiễu, phá sóng GPS được nhập từ Trung Quốc với giá rất rẻ gây khó khăn trong việc theo dõi vị trí và xác định vi phạm của lái xe.

### **III. Định hướng hoàn thiện xây dựng Trung tâm và nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu từ Trung tâm.**

#### **1. Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật.**

- Hiện nay, Bộ GTVT đang soạn thảo Quy chuẩn thay thế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô theo hướng quy định các tiêu chí kỹ thuật của thiết bị GSHT chi tiết, đầy đủ, rõ ràng hơn nhằm đảm bảo tính thống nhất cao và nâng cao độ chính xác của thiết bị, loại bỏ các quy định kỹ thuật không cần thiết, gây khó khăn khi áp dụng trong thực tế.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2013/TT-BGTVT theo hướng nâng cao tần suất truyền dữ liệu, thống nhất phương pháp tính toán vi phạm, nghiên cứu cho phép Bến xe khách được sử dụng dữ liệu của các phương tiện vận tải hoạt động tại bến để phục vụ công tác quản lý, điều hành tại bến xe.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2013/TT-BGTVT theo hướng bổ sung chế tài xử lý đối với đơn vị cung cấp dịch vụ GSHT; sửa đổi chế tài xử lý cho phù hợp và dễ thực hiện, xử lý vi phạm quá tốc độ theo tỷ lệ % km vi phạm hoặc theo số lần đối với các vi phạm ở mức cao (từ 20km/h trở lên) trong một đơn vị thời gian hoặc trên 1000 km xe chạy.

#### **2. Hoàn thiện xây dựng Trung tâm.**

##### **a) Tổng cục ĐBVN.**

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn để hoàn thiện phần mềm xử lý dữ liệu của hệ thống gồm:

+ Xây dựng các báo cáo theo từng loại hình vận tải (tuyến cố định, xe hợp đồng, du lịch, xe buýt, ...).

+ Bổ sung nội dung hiển thị màu đỏ các vị trí vi phạm tốc độ, đánh dấu vị trí bắt đầu và vị trí kết thúc.

+ Cập nhật bản đồ số lên hệ thống, đặc biệt là cập nhật tốc độ giới hạn cho phép tại các khu vực hạn chế tốc độ, khu vực dân cư,...

- Nghiên cứu, lắp đặt thiết bị có thể phát hiện các phương tiện đang sử dụng thiết bị phá sóng tại một số khu vực có nhiều phương tiện qua lại để có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Các Sở Giao thông vận tải.

- Thường xuyên cập nhật đầy đủ các dữ liệu phát sinh đồng thời rà soát lại các dữ liệu để loại bỏ khỏi hệ thống dữ liệu của các đơn vị vận tải, các phương tiện không thuộc địa phương mình quản lý.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị vận tải liên hệ với các đơn vị lắp đặt thiết bị giám sát hành trình yêu cầu việc truyền dữ liệu về Tổng cục ĐBVN theo quy định tại Văn bản số 510/TCĐBVN-VT ngày 14/2/2014. Đối với các đơn vị vận tải đã lắp đặt thiết bị của một số đơn vị đã bị rút Giấy chứng nhận hợp quy hoặc các đơn vị không thể truyền dữ liệu về Tổng cục theo quy định, đề nghị các Sở GTVT định hướng cho các đơn vị vận tải trong việc lựa chọn đơn vị có uy tín để thực hiện lắp đặt thay thế. Đồng thời thống kê danh sách, báo cáo Tổng cục ĐBVN để tổng hợp báo cáo Bộ GTVT có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị vận tải.

### **3. Tăng cường xử lý vi phạm qua thiết bị GSHT.**

- Tổng cục ĐBVN duy trì việc tổng hợp phân tích các dữ liệu từ thiết bị GSHT, xác định các vi phạm và định kỳ hàng tháng thông báo đến các Sở GTVT, các cơ quan liên quan để phối hợp xử lý vi phạm theo quy định.

- Sở GTVT các địa phương căn cứ kết quả tổng hợp vi phạm hàng tháng của Trung tâm và bố trí cán bộ thường xuyên truy cập hệ thống xử lý dữ liệu của các đơn vị vận tải và của Trung tâm để theo dõi, kiểm tra, trích xuất dữ liệu từ thiết bị GSHT nhằm phát hiện, nhắc nhở, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vi phạm theo quy định tại Thông tư 55/2013/TT-BGTVT ngày 26/12/2013 của Bộ GTVT.

Trước mắt tập trung xử lý đối với các trường hợp vi phạm về quá tốc độ ở mức cao, số lượng vi phạm nhiều, mang tính thường xuyên, liên tục; các trường hợp vi phạm về thời gian làm việc của lái xe và các đơn vị vận tải cố tình không truyền dữ liệu về Trung tâm.

## **IV. Một số nội dung cụ thể cần xin ý kiến.**

### **1. Sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình để phục vụ xử lý vi phạm hành chính.**

Theo quy định hiện hành, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình để phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành giao thông vận tải và phục vụ công tác quản lý hoạt động vận tải, quản trị doanh nghiệp tại các đơn vị kinh doanh vận tải nhằm đảm bảo an



toàn giao thông và nâng cao chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, hiện nay một số cơ quan đang xem xét việc đề xuất sử dụng dữ liệu từ thiết bị GSHT để xử phạt "nguội" hành vi vi phạm hành chính (bằng tiền); đây là nội dung phức tạp cần có lộ trình triển khai phù hợp và phải được cân nhắc kỹ trên các mặt như:

- Về cách xác định số lần vi phạm: thống kê dữ liệu theo tuần, theo tháng để xử phạt hay xử phạt theo từng lần vi phạm của từng xe; việc xác định mức vi phạm tốc độ bắt đầu áp dụng xử phạt có tính đến dung sai của thiết bị GSHT.

- Về mức xử phạt: căn cứ theo mức phạt vi phạm quy định tốc độ hiện hành theo Nghị định 171/2013/NĐ-CP hay bổ sung quy định riêng.

- Về đối tượng bị xử phạt: thực hiện xử phạt đối với đơn vị vận tải hay lái xe vi phạm. Trong trường hợp kiểm tra, trích xuất dữ liệu tại đơn vị vận tải có thể có trường hợp lái xe vi phạm không còn làm việc tại đơn vị.

- Lực lượng nào được xử phạt: chỉ thanh tra giao thông hay cả lực lượng cảnh sát giao thông.

- Về phương thức phát hiện vi phạm và xử phạt: thực hiện trích xuất dữ liệu trên đường để xử phạt, hay vào đơn vị vận tải kiểm tra, phát hiện và xử phạt

- Về việc đảm bảo độ chính xác của thiết bị: quy định chế độ, trách nhiệm kiểm định, bảo quản thiết bị để đảm bảo độ chính xác của dữ liệu dùng làm căn cứ xử phạt.

Như vậy, để có thể tiến hành xử phạt "nguội" qua dữ liệu từ thiết bị GSHT thì trước hết cần nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đảm bảo đủ cơ sở pháp lý đồng thời đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan, không gây những nhiễu, tiêu cực trong quá trình thực hiện.

## **2. Về tần suất truyền dữ liệu và phương pháp tính toán vi phạm**

Trong thời gian qua, theo phản ánh của một số Sở GTVT kết quả phân tích dữ liệu tại máy chủ đơn vị cung cấp thiết bị GSHT và hệ thống xử lý dữ liệu của Tổng cục có sự khác nhau về số lần vi phạm, nguyên nhân là do:

- + Trên hệ thống của Tổng cục đã sử dụng tốc độ cho phép tối đa (100 km/h) trên các đoạn đường cao tốc và tốc độ tối đa cho phép đối với từng loại xe theo quy định tại Thông tư 13/2009/TT-BGTVT của Bộ GTVT quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, đồng thời áp dụng thí điểm bản đồ số về tốc độ xe chạy theo biển báo thực tế trên toàn tuyến Quốc lộ 5 từ ngày 15/8/2014 để tính toán vi phạm quá tốc độ. Trong khi đó, hầu hết các đơn vị cung cấp thiết bị đang áp mức tốc độ tối đa cho phép cố định trên thiết bị là 80 km/h cho toàn bộ các loại đường (kể cả đường cao tốc).

- + Phương pháp tính toán vi phạm về tốc độ chưa thống nhất, việc tính toán số lần vi phạm quá tốc độ giữa các đơn vị cung cấp thiết bị là khác nhau, có đơn vị tính toán vi phạm quá tốc độ ngay trên thiết bị GSHT, có đơn vị tính toán vi phạm quá tốc độ trên máy chủ; có đơn vị xác định cứ vi phạm 30 giây liên tục được tính 01 lần vi phạm, có

đơn vị xác định vi phạm từ 30 giây liên tục đến khi kết thúc vi phạm được tính là 01 lần vi phạm.

+ Tần suất truyền dữ liệu của các đơn vị khác nhau dẫn đến kết quả tính toán cũng khác nhau, có đơn vị truyền dữ liệu với tần suất từ 5 – 10 giây/bản tin, có đơn vị tần suất trên 30 giây/bản tin, một số đơn vị có tần suất truyền dữ liệu trên 60 giây/bản tin, thậm chí đến trên 120 giây/bản tin.

Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến sự khác nhau về kết quả thống kê số lần vi phạm trong thời gian qua như một số địa phương đã phản ánh.

Để giải quyết những nội dung chưa đồng nhất nêu trên, Tổng cục ĐBVN đã có văn bản báo cáo Bộ GTVT về các nội dung trên và đề xuất tần suất truyền dữ liệu và phương pháp tính toán vi phạm quá tốc độ, thời gian lái xe như sau:

- Về tần suất truyền dữ liệu:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư 23 và quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị GSHT theo hướng quy định tần suất truyền dữ liệu  $\leq 30$  giây/bản tin. Máy chủ của đơn vị cung cấp thiết bị GSHT nhận được dữ liệu từ thiết bị gửi về phải truyền ngay tức thời về máy chủ của Tổng cục ĐBVN.

- Về tính toán vi phạm quá tốc độ:

+ Thống nhất việc xác định vi phạm quá tốc độ sẽ được tính toán trên máy chủ của đơn vị cung cấp thiết bị và máy chủ của Tổng cục ĐBVN.

+ Phần mềm tính toán vi phạm dựa trên bản tin gốc thiết bị gửi về máy chủ theo tần suất của thiết bị và không chậm hơn 30 giây/bản tin.

+ Thống nhất phương pháp xác định số lần vi phạm tốc độ: một lần vi phạm quy định về tốc độ được tính bằng toàn bộ khoảng thời gian xe chạy vượt quá tốc độ quy định liên tục lớn hơn 30 giây. (Không tính quy đổi ra mỗi 30 giây vi phạm thành 1 lần vi phạm).

+ Thống nhất phương pháp tính tốc độ vi phạm: Tốc độ vi phạm là tốc độ trung bình của xe kể từ khi bắt đầu đến khi kết thúc vi phạm dựa trên các bản tin tốc độ từng giây trong suốt khoảng thời gian xe vi phạm tốc độ.

*(Ví dụ minh họa cách tính toán tại phụ lục kèm theo)*

- Về tính toán thời gian lái xe liên tục.

+ Thống nhất việc xác định vi phạm về thời gian lái xe liên tục và thời gian làm việc của lái xe trong ngày sẽ được tính toán trên máy chủ của đơn vị cung cấp thiết bị và máy chủ của Tổng cục ĐBVN.

+ Thời gian lái xe liên tục được tính từ khi xe chạy cho đến khi xe dừng đủ từ 15 phút trở lên. Nếu khoảng thời gian này vượt quá 4 tiếng được coi là vi phạm quy định về thời gian lái xe liên tục.

- Về tính toán thời gian làm việc của lái xe trong ngày.

Theo QCVN 31: 2012/BGTVT thì “*Tổng thời gian làm việc trong ngày của người lái xe: là tổng các thời gian lái xe liên tục của một người lái xe trong ngày (tính từ 0h đến 24h)*”. Nếu tính một ngày làm việc của người lái xe được bắt đầu từ 0h đến 24h hàng ngày thì sẽ dẫn đến có trường hợp tổng thời gian lái xe liên tục có thể lên đến 20h/24h nhưng vẫn không vi phạm

Ví dụ: trên 1 hành trình người lái xe điều khiển phương tiện liên tục 20h, thời gian bắt đầu lúc 14:00 ngày hôm trước, thời gian kết thúc hành trình lúc 10:00 ngày hôm sau; như vậy, nếu tính thời gian làm việc theo như quy định tại QCVN 31: 2012/BGTVT thì lái xe trên không vi phạm (lái xe liên tục 10h ngày hôm trước và 10h vào ngày hôm sau),

Vì vậy, để thực hiện đúng quy định Luật GTĐB về thời gian làm việc của lái xe nhằm đảm bảo an toàn giao thông, khái niệm một ngày làm việc của người lái xe được sửa đổi như sau:

*“Tổng thời gian làm việc trong ngày của một người lái xe: là tổng các khoảng thời gian lái xe của cùng một người lái xe trong 24 giờ kể từ khi bắt đầu lái xe đến khi người lái xe đó không lái xe tối thiểu từ 06 giờ liên tục trở lên”.*

Như vậy, thời gian làm việc của lái xe trong ngày là tổng các thời gian lái xe kể từ khi người lái xe đó bắt đầu điều khiển phương tiện đến khi đủ 24 giờ (không tính lại ở thời điểm 00:00:00 (thời điểm sang ngày mới)). Trường hợp trong 24h kể từ khi người lái xe bắt đầu điều khiển phương tiện nếu người lái xe đó được nghỉ liên tục tối thiểu 06 giờ thì được coi là kết thúc ngày làm việc của người lái xe.

*(Ví dụ minh họa cách tính toán tại Phụ lục kèm theo)*

### **3. Thống nhất kiểm tra trước khi cấp phù hiệu, biển hiệu, công bố tuyến**

Trong thời gian qua, nhiều Sở đã thực hiện kiểm tra trước khi thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu. Vì vậy, để việc này được thực hiện thống nhất trong cả nước, trước khi cấp phù hiệu, biển hiệu cho phương tiện, Sở GTVT thực hiện kiểm tra việc truyền dữ liệu lên hệ thống của Tổng cục để cấp phù hiệu, biển hiệu cho những phương tiện có đầy đủ dữ liệu, từ chối cấp đối với các phương tiện không truyền dữ liệu, hoặc truyền dẫn không đầy đủ dữ liệu (hành trình, tốc độ và thời gian lái xe); cập nhật đầy đủ thông tin của phương tiện chuyển đến lên hệ thống để theo dõi, quản lý; tiến hành loại bỏ các phương tiện khỏi hệ thống của Sở quản lý khi đơn vị vận tải đề nghị xác nhận để chuyển đến địa phương khác hoạt động. Đây là một trong những nội dung sẽ được quy định trong Thông tư thay thế Thông tư 18/2013/TT-BGTVT.

### **4. Về xử lý vi phạm theo Thông tư 55/2013/TT-BGTVT**

- Đối với vi phạm quá tốc độ: thống nhất chỉ thực hiện xử lý đối với các trường hợp vi phạm quá tốc độ từ 10 km/h trở lên; nhắc nhở, chấn chỉnh đối với các trường hợp vi phạm quá tốc dưới 10 km/h.

- Thay việc xác định tỷ lệ % số chuyến xe vi phạm bằng số lần vi phạm trên 1000 km xe chạy hoặc số km xe chạy vượt tốc độ quy định trên 1000km xe chạy.

- Bổ sung quy định xử lý đối với các phương tiện không truyền dữ liệu từ 07 ngày liên tục trở lên mà đơn vị vận tải không có báo cáo lý do kịp thời đến Sở GTVT và các trường hợp xe đang hoạt động nhưng lái xe cố tình sử dụng các biện pháp để tắt thiết bị nhằm trốn tránh sự kiểm soát của cơ quan chức năng. Đối với các trường hợp xe hỏng vào xưởng hoặc xe ngừng không hoạt động vận tải từ 07 ngày trở lên, đơn vị kinh doanh vận tải phải có báo cáo gửi Sở GTVT địa phương.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả triển khai xây dựng và hoạt động của Trung tâm xử lý và khai thác, sử dụng dữ liệu từ thiết bị GSHT trong thời gian vừa qua, đồng thời đưa ra những vấn đề cần phải thảo luận, xin ý kiến các đại biểu tham dự Hội nghị để tiếp tục hoàn thiện công tác xây dựng và phát huy hiệu quả khai thác sử dụng dữ liệu từ Trung tâm góp phần tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trong thời gian tới nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ vận tải và đảm bảo an toàn giao thông.

Rất mong sự đóng góp ý kiến của quý vị đại biểu.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

Phụ lục 1

Tổng hợp tình hình vi phạm quá tốc độ từ tháng 4 đến tháng 7/2014

TT	Địa phương	Tỷ lệ số xe vi phạm (%)					Tỷ lệ km xe vi phạm (%)					Số lần vi phạm/1000 km						
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quan	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quan	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quan		
1	An Giang	45.3	41.2	50.2	46.5	45.8	2.4	2.5	0.5	0.4	1.4	7.3	5.8	1.2	2.8	4.3		
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	36.2	40.1	48.1	47.4	42.9	2.6	5.5	3.5	5.4	4.2	11.5	14.1	10.2	25.2	15.3		
3	Bình Dương	38.4	45.2	49.5	50.3	45.9	1.6	1.9	1.4	1.3	1.5	5.8	4.5	4.2	8.5	5.8		
4	Bình Phước	30.2	29.2	31.8	29.7	30.2	3.6	3.9	3.0	2.0	3.1	15.7	12.8	10.5	9.1	12.1		
5	Bình Thuận	37.5	57.8	77.8	79.6	63.2	4.3	9.3	4.7	4.7	5.8	21.2	27.5	12.1	28.8	22.4		
6	Bình Định	10.6	35.7	46.0	53.7	36.5	1.4	5.9	5.3	4.9	4.4	6.7	17.6	16.8	22.6	15.9		
7	Bạc Liêu	100.0	55.6	22.2	27.4	51.3	1.3	0.1	0.0	0.4	0.5	4.8	0.4	0.1	2.5	2.0		
8	Bắc Giang	20.5	30.7	44.9	37.7	33.5	0.5	1.1	0.8	0.7	0.8	2.3	3.0	4.0	3.1	3.1		
9	Bắc Kạn	22.8	20.7	28.3	31.5	25.8	0.3	0.9	1.1	1.3	0.9	1.6	4.1	5.8	6.7	4.5		
10	Bắc Ninh	29.8	32.5	35.5	40.4	34.6	1.0	2.1	1.3	1.0	1.4	3.9	4.5	7.0	5.4	5.2		
11	Bến Tre	24.1	46.2	59.1	55.7	46.3	6.3	7.8	2.6	0.8	4.4	16.3	15.2	8.4	5.3	11.3		
12	Cao Bằng	12.4	16.7	35.7	41.9	26.7	0.2	0.3	0.2	0.2	0.2	0.9	0.9	1.8	1.6	1.3		
13	Cà Mau	13.0	12.7	31.5	69.7	31.7	0.5	0.3	0.4	4.8	1.5	2.3	1.1	2.5	31.8	9.4		
14	Cần Thơ	27.3	46.8	71.2	59.7	51.2	3.5	4.4	2.9	1.9	3.2	11.6	14.2	13.9	11.7	12.8		
15	Gia Lai	52.4	38.8	58.2	62.6	53.0	1.2	4.8	4.6	3.6	3.6	5.4	12.5	18.9	16.4	13.3		
16	Hà Giang	24.4	22.5	27.5	34.3	27.2	0.1	0.2	0.2	0.3	0.2	0.7	0.4	1.2	1.4	0.9		
17	Hà Nam	16.7	18.3	25.8	30.9	22.9	0.2	0.2	0.5	1.3	0.5	0.9	0.8	2.7	7.7	3.0		
18	Hà Nội	20.4	20.7	40.1	35.0	29.1	1.0	0.7	0.9	0.8	0.9	4.1	2.2	4.6	4.1	3.8		
19	Hà Tĩnh	57.9	55.6	58.6	59.4	57.9	3.6	8.6	6.1	4.2	5.6	11.4	25.1	34.0	29.4	24.9		
20	Hòa Bình	41.0	38.2	42.4	35.0	39.2	0.3	0.5	0.4	0.4	0.4	1.9	2.6	3.6	3.2	2.8		
21	Hưng Yên	13.6	13.6	42.9	44.9	28.8	0.3	1.5	1.8	1.7	1.3	1.5	2.9	6.8	6.3	4.4		

TT	Địa phương	Tỷ lệ số xe vi phạm (%)							Tỷ lệ km xe vi phạm (%)							Số lần vi phạm/1000 km						
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quân	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quân	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quân						
22	Hải Dương	34.8	35.5	37.9	49.5	39.4	3.1	7.8	4.9	4.2	5.0	11.0	15.5	19.6	17.7	15.9						
23	Hải Phòng	7.9	0.1	52.6	63.0	30.9	0.2	1.3	2.1	1.2	1.2	1.0	3.2	11.8	7.2	5.8						
24	Hậu Giang	21.6	19.2	52.3	62.0	38.8	0.6	1.8	1.4	0.6	1.1	3.2	8.1	6.6	4.1	5.5						
25	Hồ Chí Minh	42.6	46.3	52.7	55.3	49.2	3.9	4.9	3.0	2.4	3.6	15.1	13.7	14.2	13.0	14.0						
26	Khánh Hòa	27.5	21	27.7	31.1	26.8	2.4	5.8	2.6	2.2	3.2	11.1	13.3	13.7	12.0	12.5						
27	Kiên Giang	15.8	18.8	35.5	42.8	28.2	2.2	3.4	2.1	2.1	2.4	6.8	6.6	12.5	16.2	10.5						
28	Kon Tum	32.9	36.3	45.0	47.7	40.5	1.6	4.5	3.9	2.4	3.1	6.9	11.8	14.4	10.3	10.9						
29	Lai Châu	17.5	30.2	28.6	27.0	25.8	0.2	2.2	1.8	2.0	1.6	1.4	5.8	8.3	10.9	6.6						
30	Long An	37.0	50.1	60.8	62.3	52.5	0.7	2.8	2.2	1.4	1.8	2.1	5.2	8.8	7.3	5.9						
31	Lào Cai	33.6	13.6	22.1	27.1	24.1	0.4	0.4	0.6	0.7	0.5	1.6	1.2	2.7	2.1	1.9						
32	Lâm Đồng	9.8	51.7	77.8	77.7	54.2	5.6	11.2	9.8	9.2	8.9	26.0	35.4	45.9	44.1	37.8						
33	Lạng Sơn	33.6	30.3	53.6	57.8	43.8	1.4	5.8	1.6	2.1	2.7	5.2	11.9	6.9	9.1	8.2						
34	Nam Định	38.6	50.3	59.1	58.1	51.5	1.6	3.2	2.9	2.0	2.4	7.9	7.8	16.1	12.5	11.1						
35	Nghệ An	23.5	22.4	40.1	48.0	33.5	2.6	5.1	4.6	5.3	4.4	10.2	16.9	24.8	29.4	20.3						
36	Ninh Bình	58.4	50.2	58.0	41.4	52.0	2.0	1.8	0.8	0.3	1.2	7.3	4.1	4.1	2.5	4.5						
37	Ninh Thuận	13.7	26.2	42.3	56.9	34.8	0.8	2.0	1.5	0.9	1.3	5.2	8.1	10.0	6.7	7.5						
38	Phú Thọ	35.4	42.1	48.0	52.8	44.6	0.3	0.4	0.5	0.7	0.5	1.5	1.4	3.0	4.5	2.6						
39	Phú Yên	40.7	43.9	54.4	70.3	52.3	1.6	4.8	5.4	6.4	4.5	10.3	17.4	30.1	35.2	23.3						
40	Quảng Bình	56.5	57.8	58.8	61.9	58.8	2.0	4.0	2.4	2.1	2.6	11.3	12.3	11.5	12.8	12.0						
41	Quảng Nam	31.8	33.4	40.4	41.5	36.8	1.9	7.5	7.3	6.4	5.8	9.1	28.1	31.7	28.1	24.3						
42	Quảng Ngãi	10.6	18.3	35.3	45.1	27.3	1.3	5.7	7.5	7.7	5.6	5.4	20.0	25.0	20.2	17.7						
43	Quảng Ninh	29.7	51.2	57.8	51.2	47.5	1.6	2.4	1.1	0.6	1.4	10.4	8.2	6.2	2.7	6.9						
44	Quảng Trị	43.3	51	56.5	59.5	52.6	3.5	6.2	5.6	6.1	5.3	17.7	20.0	28.6	31.3	24.4						
45	Sóc Trăng	23.7	25.1	22.4	56.3	31.9	2.5	3.7	1.6	1.0	2.2	9.4	10.6	7.4	6.9	8.6						

TT	Địa phương	Tỷ lệ số xe vi phạm (%)							Tỷ lệ km xe vi phạm (%)							Số lần vi phạm/1000 km						
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quan	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quan	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	B.quan						
46	Sơn La	31.3	39.4	41.3	44.4	39.1	0.4	0.6	0.5	0.5	0.5	0.5	1.5	1.0	1.8	1.3	1.4					
47	Thanh Hóa	29.8	34.1	40.7	41.8	36.6	4.2	7.2	2.3	1.7	3.9	11.4	15.9	9.3	10.2	11.7						
48	Thái Bình	40.9	46.5	52.7	50.9	47.7	1.3	1.5	0.9	0.3	1.0	7.1	5.3	5.4	2.0	4.9						
49	Thái Nguyên	9.2	8.8	33.2	32.3	20.9	0.2	2.1	1.3	0.6	1.1	1.1	5.0	6.0	3.5	3.9						
50	Thừa Thiên-Huế	22.4	33.2	32.9	39.8	32.1	2.3	3.9	1.9	1.5	2.4	8.4	9.3	7.5	4.7	7.5						
51	Tiền Giang	20.5	45.3	52.8	54.3	43.2	3.6	6.3	3.3	1.8	3.8	15.0	16.5	14.6	11.0	14.3						
52	Trà Vinh	38.5	41.4	46.4	49.5	43.9	3.0	7.8	4.7	1.8	4.3	8.7	16.9	16.6	12.1	13.6						
53	Tuyên Quang	5.1	19.6	41.9	49.8	29.1	1.5	2.0	1.4	2.0	1.7	7.2	7.5	5.8	7.5	7.0						
54	Tây Ninh	20.6	35.5	59.6	50.5	41.5	0.8	1.3	2.0	1.8	1.5	5.9	4.8	14.1	13.1	9.5						
55	Vĩnh Long	39.3	42.8	49.8	48.0	45.0	9.5	9.8	4.1	1.0	6.1	21.3	16.5	10.2	5.3	13.3						
56	Vĩnh Phúc	38.2	37.8	42.2	47.3	41.4	0.3	0.5	0.6	1.1	0.6	2.1	2.3	4.0	6.2	3.7						
57	Yên Bái	15.6	23	31.5	39.8	27.5	0.1	0.2	0.5	0.5	0.3	0.4	0.4	2.1	1.8	1.2						
58	Điện Biên	34.5	44.3	47.9	45.8	43.1	0.3	0.9	0.7	0.5	0.6	1.6	2.6	3.1	1.9	2.3						
59	Đà Nẵng	36.3	34.5	57.3	29.4	39.4	2.6	2.8	4.6	8.6	4.7	11.1	8.6	22.1	43.1	21.2						
60	Đắk Lắk	22.2	36.1	61.3	48.7	42.1	1.0	3.1	3.4	3.3	2.7	5.5	12.8	16.8	16.4	12.9						
61	Đắk Nông	25.3	27.3	45.4	46.3	36.1	1.7	6.0	6.6	5.4	4.9	10.4	20.9	32.8	26.1	22.5						
62	Đồng Nai	25.9	29.9	35.9	36.7	32.1	1.7	2.9	2.1	1.7	2.1	8.4	11.6	12.9	10.7	10.9						
63	Đồng Tháp	19.3	49	76.8	75.2	55.1	6.4	6.0	2.1	1.4	4.0	19.6	13.8	7.2	8.5	12.3						
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30.0</b>	<b>34</b>	<b>49.0</b>	<b>50.0</b>	<b>40.8</b>	<b>2.4</b>	<b>3.7</b>	<b>2.5</b>	<b>2.0</b>	<b>2.6</b>	<b>9.4</b>	<b>10.3</b>	<b>7.1</b>	<b>6.2</b>	<b>8.3</b>						

**Phụ lục 2**  
**Tổng hợp kết quả vi phạm về thời gian lái xe từ tháng 4 đến tháng 7/2014**

TT	Địa phương	Tháng 4		Tháng 5		Tháng 6		Tháng 7	
		Vi phạm TG quá 4h	Vi phạm TGLV quá 10h	Vi phạm TG quá 4h	Vi phạm TGLV quá 10h	Vi phạm TG quá 4h	Vi phạm TGLV quá 10h	Vi phạm TG quá 4h	Vi phạm TGLV quá 10h
1	An Giang	47	13	144	43	278	107	332	93
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	55	9	137	37	250	74	293	73
3	Bình Dương	69	16	183	70	352	103	400	77
4	Bình Phước	52	11	84	17	149	32	269	64
5	Bình Thuận	261	49	539	133	711	164	905	156
6	Bình Định	66	9	580	90	888	124	940	74
7	Bạc Liêu	1	-	1	1	4	2	41	11
8	Bắc Giang	89	19	200	39	646	176	684	231
9	Bắc Kạn	18	5	40	8	68	16	80	13
10	Bắc Ninh	24	6	54	17	156	77	114	49
11	Bến Tre	75	30	458	107	691	156	798	152
12	Cao Bằng	18	2	40	13	221	66	225	70
13	Cà Mau	26	10	64	21	165	59	438	177
14	Cần Thơ	44	20	210	84	371	99	370	135
15	Gia Lai	373	52	629	102	1,139	252	1,344	252
16	Hà Giang	49	12	117	24	178	32	221	14
17	Hà Nam	13	1	32	8	129	64	257	144
18	Hà Nội	405	125	897	363	1,427	480	1,504	561
19	Hà Tĩnh	59	12	105	39	284	105	304	130
20	Hòa Bình	30	7	48	12	82	45	103	59



TT	Địa phương	Tháng 4		Tháng 5		Tháng 6		Tháng 7	
		Vị phạm TG quá 4h	Vị phạm TGLV quá 10h	Vị phạm TG quá 4h	Vị phạm TGLV quá 10h	Vị phạm TG quá 4h	Vị phạm TGLV quá 10h	Vị phạm TG quá 4h	Vị phạm TGLV quá 10h
21	Hưng Yên	11	2	21	4	184	70	405	137
22	Hải Dương	238	72	471	100	841	190	1,153	319
23	Hải Phòng	403	153	16	8	1,601	552	3,671	1,128
24	Hậu Giang	4	3	21	5	130	45	169	68
25	Hồ Chí Minh	2,438	667	6,560	1,917	10,017	2,973	10,521	2,519
26	Khánh Hòa	279	31	214	42	340	85	312	56
27	Kiên Giang	51	12	171	61	398	142	681	249
28	Kon Tum	172	33	337	60	549	84	677	83
29	Lai Châu	9	2	23	9	33	9	20	-
30	Long An	61	12	222	54	273	72	372	113
31	Lào Cai	5	2	15	8	23	11	24	20
32	Lâm Đồng	19	9	304	92	905	281	1,335	328
33	Lạng Sơn	17	6	38	9	155	42	163	52
34	Nam Định	54	12	182	73	856	270	1,155	389
35	Nghệ An	58	6	89	16	277	63	410	144
36	Ninh Bình	23	2	55	7	95	16	88	49
37	Ninh Thuận	10	2	61	20	98	26	147	52
38	Phú Thọ	76	14	146	33	568	164	824	190
39	Phú Yên	62	6	228	26	355	65	511	111
40	Quảng Bình	21	6	100	29	708	174	612	81
41	Quảng Nam	134	38	265	74	331	96	495	82
42	Quảng Ngãi	119	9	148	15	397	42	968	79
43	Quảng Ninh	90	8	414	115	1,495	443	1,971	587

TT	Địa phương	Tháng 4		Tháng 5		Tháng 6		Tháng 7	
		Vi phạm TG quá 4h	Vi phạm TGLV quá 10h	Vi phạm TG quá 4h	Vi phạm TGLV quá 10h	Vi phạm TG quá 4h	Vi phạm TGLV quá 10h	Vi phạm TG quá 4h	Vi phạm TGLV quá 10h
44	Quảng Trị	28	6	89	35	124	38	114	15
45	Sóc Trăng	14	4	75	26	89	31	90	27
46	Sơn La	53	16	187	71	364	143	433	159
47	Thanh Hóa	122	32	352	108	788	270	866	238
48	Thái Bình	88	30	147	35	382	114	413	228
49	Thái Nguyên	11	2	24	13	100	44	464	202
50	Thừa Thiên-Huế	179	48	556	119	1,028	261	1,312	303
51	Tiền Giang	122	37	779	133	1,321	199	1,386	170
52	Trà Vinh	29	10	110	42	117	38	100	31
53	Tuyên Quang	1	-	85	18	252	37	306	43
54	Tây Ninh	21	5	105	57	521	220	590	222
55	Vĩnh Long	18	7	98	23	153	40	179	38
56	Vĩnh Phúc	16	4	37	15	129	39	162	63
57	Yên Bái	53	6	105	11	258	58	293	61
58	Điện Biên	39	12	98	20	202	53	419	175
59	Đà Nẵng	431	115	861	285	754	274	766	192
60	Đắk Lắk	69	14	208	47	690	190	772	186
61	Đắk Nông	13	4	75	21	258	50	300	69
62	Đồng Nai	99	31	393	119	768	265	866	215
63	Đồng Tháp	23	8	86	31	252	108	355	125
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7,557</b>	<b>1,906</b>	<b>19,133</b>	<b>5,234</b>	<b>37,368</b>	<b>10,620</b>	<b>46,492</b>	<b>12,133</b>

Phụ lục 3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM TỪ THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH

TT	Số GTVT	Hình thức xử lý				Ghi chú
		Nhắc nhở, chấn chỉnh	Thu hồi phù hiệu	Thu hồi chấp thuận, đình chỉ khai thác	Từ chối cấp phù hiệu	
1	An Giang	x x x	26 4	16		- 26 xe xử lý thu hồi phù hiệu 01 tháng. - 16 xe xử lý đình chỉ khai thác tuyến 01 tháng. Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải, thu hồi phù hiệu 04 xe
2	Bắc Giang	x			4	- Từ chối cấp mới, cấp đổi phù hiệu 04 xe. - Chấn chỉnh 10 xe không chạy đúng lộ trình. - Chấn chỉnh 15 đơn vị, 47 xe vi phạm.
		x				- Yêu cầu các đơn vị kiểm điểm, báo cáo trước ngày 10/8/2014. - Chỉ đạo bến xe không cho xuất bến những xe có vi phạm ở mức độ cao.
						Chỉ đạo thanh tra, vận tải, bến xe xử lý nghiêm những vi phạm từ 15/8/2014.
3	Bà Rịa - Vũng Tàu	x				Báo cáo theo dõi từ 11/8 đến 17/8. Chấn chỉnh các đơn vị vận tải. - Nhắc nhở 26 đơn vị vận tải kiểm tra lại việc truyền dữ liệu về Tổng cục ĐBVN
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở
4	Bình Phước	x				- Vi phạm tốc độ >20%: tuyến cố định 8 xe, hợp đồng 20 xe. - Không thực hiện truyền dữ liệu đầy đủ, liên tục: 18 xe tuyến cố định; 53 xe hợp đồng.
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở 05 đơn vị với 06 xe, yêu cầu cam kết không tái phạm.
			22			04 xe tuyến cố định; 13 xe Hợp đồng; 5 xe công-ten-nơ
		38		4		Đình chỉ khai thác 04 xe buýt
		x				- 13 đơn vị vận tải
5	Bình Thuận			8		- HTX vận tải ô tô Tuy Phong (4); HTX VTDV Lagi-Tuy Phong (2); HTX VT Bắc Bình; HTX VT ô tô Phan Thiết
				18		Thu hồi phù hiệu xe HĐ 01 tháng 13 xe; Tuyến cố định 05 xe thuộc 05 đơn vị do vi phạm lỗi tốc độ.
6	Bình Dương	x				- Chưa thông nhất về dữ liệu trích tổng hợp nên chưa xử lý (số liệu tổng hợp và trích xuất thực tế từ phương tiện).

TT	Số GTVT	Hình thức xử lý				Ghi chú
		Nhắc nhở, chấn chỉnh	Thu hồi phù hiệu	Thu hồi chấp thuận, đình chỉ khai thác	Từ chối cấp phù hiệu	
7	Bình Định	x				- 80 phương tiện tuyến cố định thuộc 14 đơn vị vận tải. - 11 phương tiện chạy hợp đồng thuộc 05 đơn vị vận tải
8	Đông Tháp	x	2			- Thu 02 phù hiệu 01 tháng của 02 đơn vị vận tải tuyến cố định. Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
9	Điện Biên	x				Chấn chỉnh, nhắc nhở và cam kết không vi phạm. Không có phương tiện vi phạm
10	TP. Hồ Chí Minh	x	28			- Có sự chênh lệch lớn giữa dữ liệu của đơn vị vận tải và của Tổng cục. - Kiến nghị một số khó khăn trong việc trích xuất dữ liệu để xử lý vi phạm. Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
11	Kon Tum	x		4		Thu hồi 28 Phù hiệu phương tiện 01 tháng thuộc 16 đơn vị Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải, lái xe chấp hành nghiêm an toàn giao thông trên đường cao tốc. - Khiển trách, cảnh cáo 114 lái xe; đình chỉ 44 lái xe. - Khó khăn trong loại bỏ những phương tiện đã di chuyển đi nơi khác. Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
12	Hà Tĩnh	x	33			Thu hồi phù hiệu 01 tháng đối với 33 xe - Đình chỉ khai thác 08 xe của các đơn vị: Công ty CPVT Thành Đạt (04 xe), Công ty CPVT ô tô Hà Tĩnh, Công ty TNHH Sơn Mỹ, Công ty CPVT Thọ Lam, Công ty TNHH Quyết Thắng. - Nhắc nhở chấn chỉnh 03 xe của các đơn vị: Công ty TNHH VT Quang Huy, DNTN Mận Vũ, XN VT Châu Tĩnh.
13	Hậu Giang	x		1		- Thu hồi chấp thuận tuyến cố định 01 tháng của Công ty TNHH Vận Truyền 38B 005.57.
14	Quảng Ngãi	x	1			Đình chỉ, thu hồi chấp thuận tuyến xe 38B 004.97 của Công ty CPVTHK Trường Vĩnh lỗi quá 20% tốc độ cho phép. Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải - Thu hồi phù hiệu xe hợp đồng 01 tháng xe 76B.005.57

TT.	Số GTVT	Hình thức xử lý				Ghi chú
		Nhắc nhở, chấn chỉnh	Thu hồi phụ hiệu	Thu hồi chấp thuận, đình chỉ khai thác	Từ chối cấp phụ hiệu	
15	Quảng Ninh	x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
			14			- Thu hồi phụ hiệu 01 tháng 14 xe của 05 đơn vị vận tải công-ten-ơ.
				8		- Thuộc 03 đơn vị, do lỗi vi phạm tốc độ >20%
16	Quảng Nam			2		Thuộc Cty CP DL Thanh Đạt, thu hồi phụ hiệu "XE HỢP ĐỒNG"
		x				Đề nghị đơn vị xử lý báo cáo Sở
						Chi đạo đơn vị chấn chỉnh, kiểm điểm báo cáo trước ngày 15/8/2014.
			x			- Thu hồi phụ hiệu 05 đơn vị.
17	Quảng Bình					Chấn chỉnh, nhắc nhở, phê bình đơn vị vận tải.
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải.
			6			Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải.
						Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải.
18	Cao Bằng					Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải.
			6			Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải.
						Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải.
						Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải.
19	Hải Dương					Chấn chỉnh, nhắc nhở, phê bình đơn vị vận tải.
		x	1			Chấn chỉnh, nhắc nhở, phê bình đơn vị vận tải.
						Chấn chỉnh, nhắc nhở, phê bình đơn vị vận tải.
						Chấn chỉnh, nhắc nhở, phê bình đơn vị vận tải.
20	Hải Phòng					Chấn chỉnh, nhắc nhở, phê bình đơn vị vận tải.
		88	20			- Thu hồi có thời hạn tại QĐ số 1031 ngày 23/6/2014 do lỗi quá tốc độ 20%.
						- Chấn chỉnh nhắc nhở 88 xe thuộc 22 đơn vị.
			61			- 61 phụ hiệu xe công - ten-ơ của 40 đơn vị vận tải từ 11/7/2014
21	Sơn La					Đã ban hành 28 văn bản chỉ đạo thực hiện lắp đặt thiết bị GSHHT và truyền dẫn dữ liệu về hệ thống.
						Không có đơn vị vi phạm về tốc độ trong tháng 5/2015
						- không có vi phạm trong tháng

TT	Số GTVT	Hình thức xử lý				Chi chú
		Nhắc nhở, chấn chỉnh	Thu hồi phụ hiệu	Thu hồi chấp thuận, đình chỉ khai thác	Từ chối cấp phụ hiệu	
22	Thanh Hóa	x				Lập biên bản xử lý 04 xe có thiết bị GSHT nhưng không hoạt động; 01 xe không thực hiện truyền dẫn theo quy định. - Thông báo đề nghị đơn vị vận tải chấn chỉnh, giáo dục lái xe. - Thu hồi phụ hiệu 01 tháng 11 phương tiện của 09 đơn vị vận tải. - 10 phương tiện thuộc 08 đơn vị vận tải tuyến cố định. Chưa có số lượng cụ thể thiết bị GSHT chưa truyền dẫn về Tổng cục.
		x	11			
			10			
23	Nam Định	x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải - Tiếp tục nhắc nhở chấn chỉnh các đơn vị vận tải. - Có 984 xe thuộc 48 đơn vị nhưng không xác định được cụ thể những xe chưa truyền dữ liệu về Tổng cục. - Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị không vi phạm.
		x				
		x				
24	Ninh Bình	x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải - Phối hợp thanh tra xử lý vi phạm 09 xe; Phạt: 5.850.000đ. - Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải.
25	Ninh Thuận	x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
26	Lâm Đồng	x	2			Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải - Thu hồi phụ hiệu xe hợp đồng
27	Lào Cai					Chưa có hình thức xử lý vi phạm cụ thể.
28	Long An	x	2			Thu hồi phụ hiệu 02 xe 62L 7071; 62B 004.31
29	Tây Ninh	x				Yêu cầu đơn vị thực hiện việc lắp đặt, truyền dữ liệu trước 15/8/2014. (do dữ liệu không truyền dẫn đầy đủ nên chỉ chấn chỉnh, nhắc nhở)
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải - Nhắc nhở, chấn chỉnh và cam kết không vi phạm 30 đơn vị. - Cảnh cáo, kiểm điểm 65 lái xe; Phạt tiền 07 lái xe: 3.500.000đ; - Thu phụ hiệu xe HD.27 xe; - Thu hồi phụ hiệu xe CD. 02 xe.
		x	29			

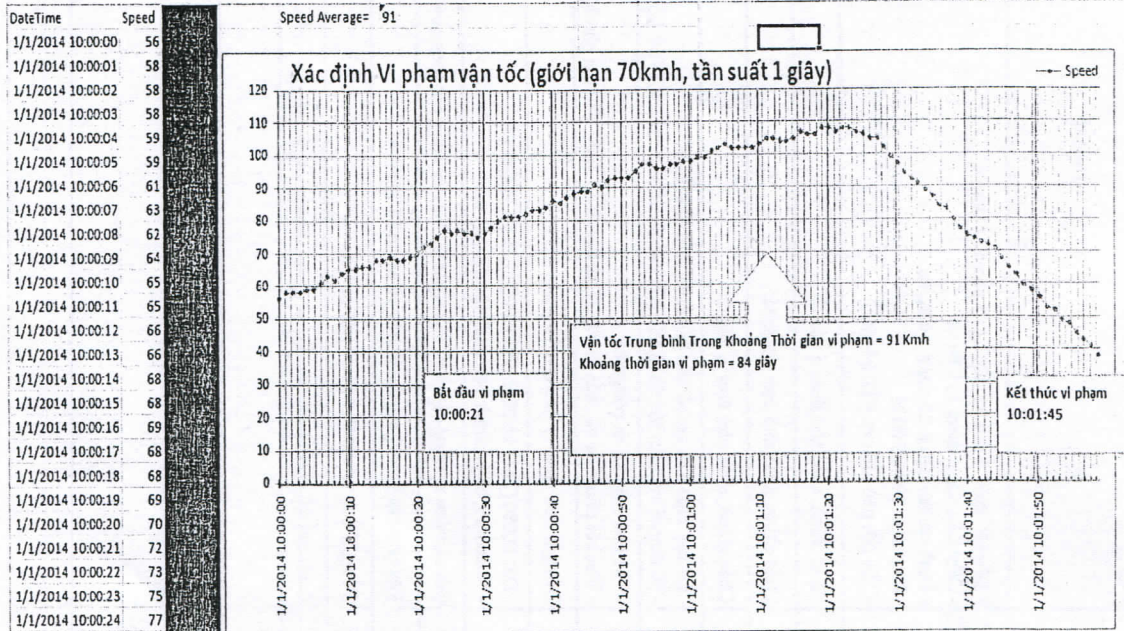
TT	Số GTVT	Hình thức xử lý				Ghi chú
		Nhắc nhở, chấn chỉnh	Thu hồi phù hiệu	Thu hồi chấp thuận, đình chỉ khai thác	Từ chối cấp phù hiệu	
30	Tuyên Môn Phước		4			- Yêu cầu đơn vị cam kết không vi phạm 14 đơn vị. - Cảnh cáo, kiểm điểm 151 lái xe. - Đình chỉ tay lái 10-20 ngày: 44 lái xe. - Phạt tiền: 19.000.000đ - Thu hồi phù hiệu xe HD: 04 xe.
31	Tiền Giang	x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
		x				Chấn chỉnh, nhắc nhở đơn vị vận tải
32	Thái Bình		12	25		- Đã cấp nhật 814 xe, số còn lại không xác định được. - 10 đơn vị vi phạm tốc độ nhiều nhất báo cáo trước 15/7/2014 về Sở. - Thu phù hiệu 12 xe côngteno - Thu hồi phù hiệu và chấp thuận 23 xe khách có định, Thu hồi phù hiệu 01 tháng 02 xe có định.
33	Cần Thơ	x				Đề nghị đơn vị xử lý báo cáo Sở trước 22/7
34	Kiên Giang	x	4			- Đạt 100% (721) xe đã truyền dẫn dữ liệu về Tổng cục - Nhắc nhở, chấn chỉnh 110 xe thuộc 46 đơn vị.
35	Đồng Nai					Gửi các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền dữ liệu về Tổng cục theo quy định.
36	Gia Lai	x				Yêu cầu các đơn vị truyền dữ liệu về trước 31/8/2014.
37	Đắk Nông	x				Đề nghị đơn vị vận tải báo cáo giải trình. Cảnh cáo 06 đơn vị nếu tiếp tục vi phạm sẽ xem xét thu hồi phù hiệu.
			304	95	4	
Tổng cộng		Thu hồi phù hiệu 01 tháng:				304
		Thu hồi chấp thuận hoặc đình chỉ khai thác tuyến 01 tháng:				95
		Từ chối cấp phù hiệu:				4

## Phụ lục 4

Ví dụ về tính toán vi phạm quá tốc độ theo tần suất gửi dữ liệu

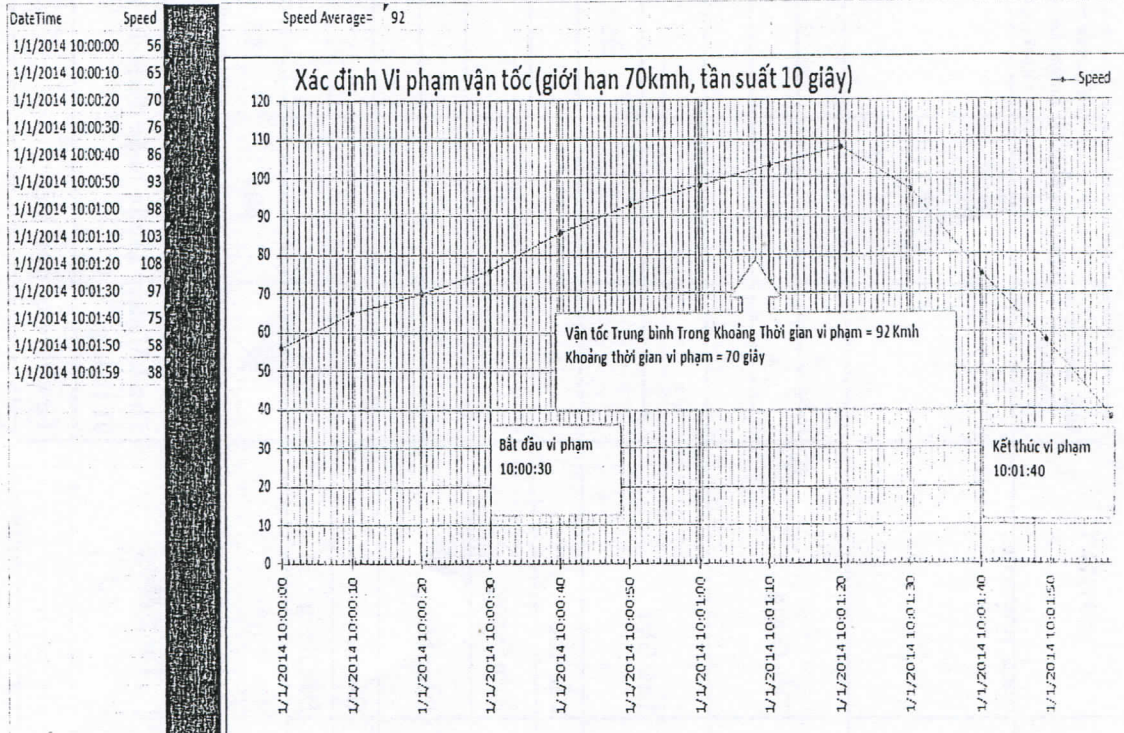
### 1. Trường hợp tần suất truyền dữ liệu là 1 giây/bản tin

Kết quả tính toán: thời gian vi phạm từ thời điểm 10:00:21 đến 10:01:45 (84 giây) được tính là 01 lần vi phạm, tốc độ trung bình là 91 km/h.



### 2. Trường hợp tần suất truyền dữ liệu là 10 giây/bản tin

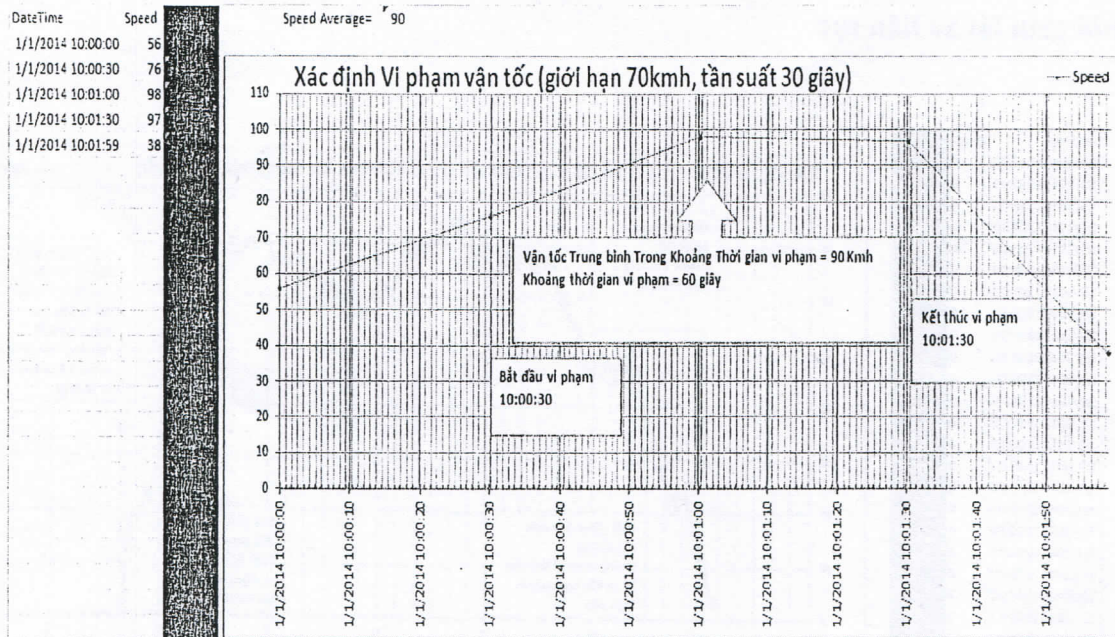
Kết quả tính toán: thời gian vi phạm từ thời điểm 10:00:30 đến 10:01:40 (70 giây) được tính là 01 lần vi phạm, tốc độ trung bình là 92 km/h.





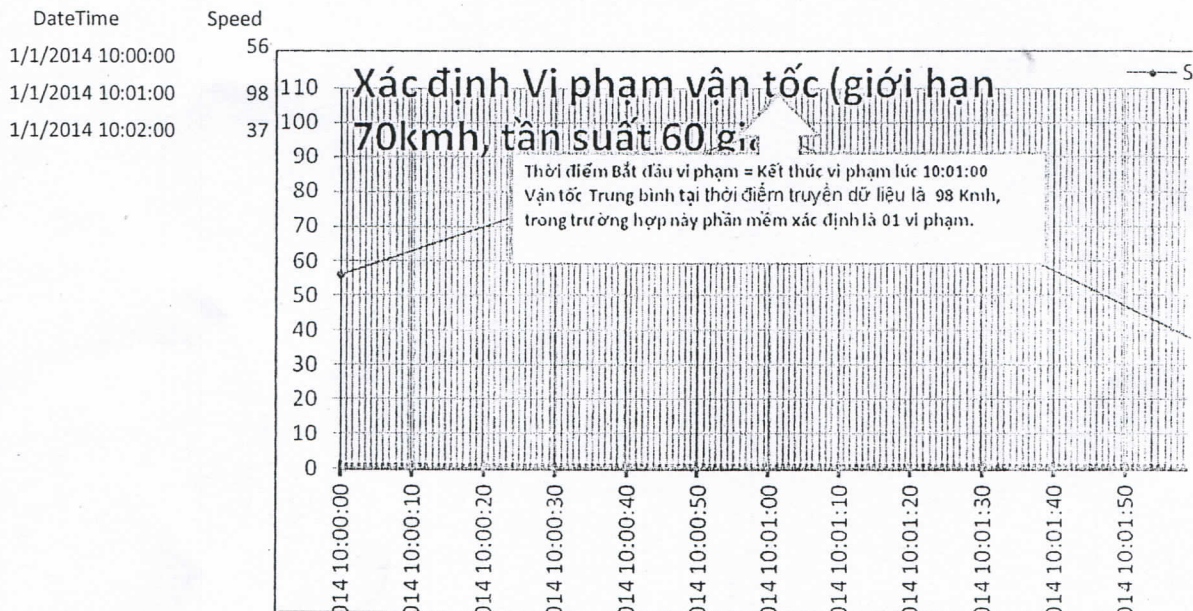
### 3. Trường hợp tần suất truyền dữ liệu là 30 giây/bản tin

Kết quả tính toán: thời gian vi phạm từ thời điểm 10:00:30 đến 10:01:30 (60 giây) được tính là 01 lần vi phạm, tốc độ trung bình là 90 km/h.



### 4. Trường hợp tần suất truyền dữ liệu là 60 giây/bản tin

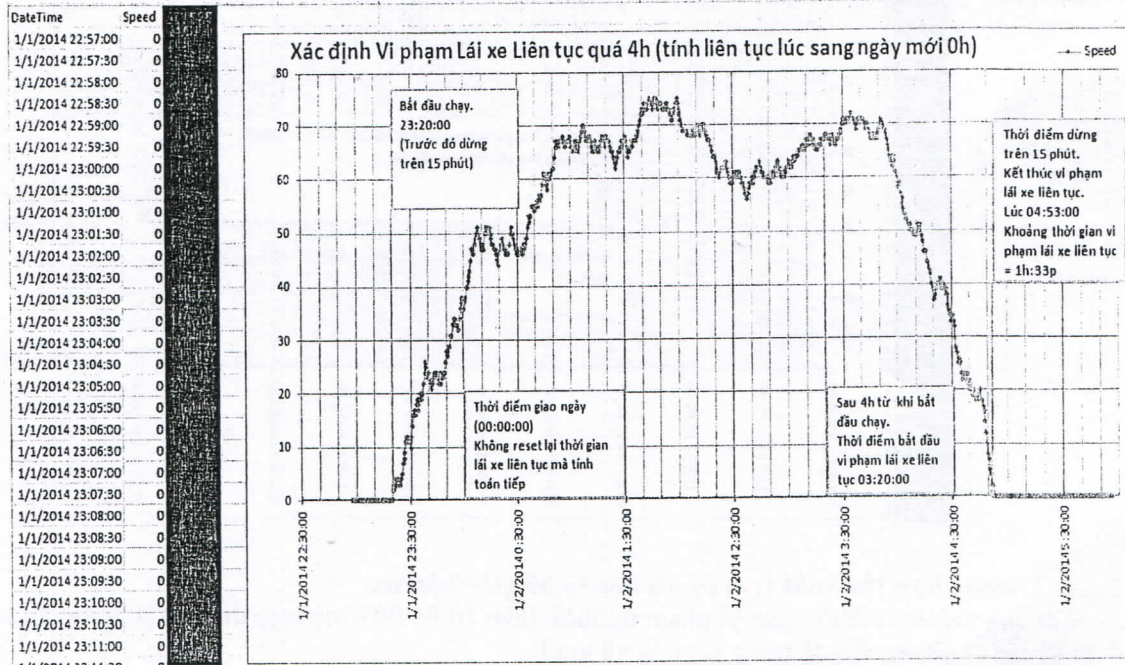
Kết quả tính toán: thời gian vi phạm tại thời điểm 10:01:00 (tính mặc định là 30 giây) được tính là 01 lần vi phạm, tốc độ trung bình là 98 km/h.



## Phụ lục 5

Ví dụ tính toán thời gian lái xe liên tục và thời gian làm việc của lái xe trong ngày

### 1. Thời gian lái xe liên tục



## 2. Thời gian làm việc của lái xe trong ngày

STT	Thời gian Bắt đầu	Thời gian kết thúc	Khoảng thời gian	Hoạt động	Ghi chú
1	1/1/2014 20:00:00	1/2/2014 10:00:00	14h	Dừng Đổ	Dừng đỗ từ 20h ngày hôm trước tới 10h ngày hôm sau, khoảng thời gian dừng >7h => Reset (tính lại) tổng thời gian lái xe trong ngày
2	1/2/2014 10:00:00	1/2/2014 13:00:00	3h	Chạy	Tổng thời gian lái xe trong ngày sau khi kết thúc hành trình này là 3h
3	1/2/2014 13:00:00	1/2/2014 14:00:00	1h	Dừng Đổ	Thời gian dừng <7h => nên ko tính lại tổng thời gian lái xe trong ngày
4	1/2/2014 14:00:00	1/2/2014 17:30:00	3h:30p	Chạy	Tổng thời gian lái xe trong ngày sau khi kết thúc hành trình này là 6h30p
5	1/2/2014 17:30:00	1/2/2014 22:30:00	5h	Dừng Đổ	Thời gian dừng <7h => nên ko tính lại tổng thời gian lái xe trong ngày
6	1/2/2014 22:30:00	1/2/2014 23:30:00	1h	Chạy	Tổng thời gian lái xe trong ngày sau khi kết thúc hành trình này là 7h30p
7	1/2/2014 23:30:00	1/3/2014 1:00:00	1:30p	Dừng Đổ	Thời gian dừng <7h => nên ko tính lại tổng thời gian lái xe trong ngày. Không tính lại tổng thời gian lái xe trong ngày khi qua thời điểm sang ngày mới lúc 0h.
8	1/3/2014 1:00:00	1/3/2014 4:30:00	3h30p	Chạy	Tổng thời gian lái xe trong ngày sau khi kết thúc hành trình này là 11h. => Vi phạm tổng thời gian lái xe trong ngày lớn hơn 10h. Thời gian bắt đầu vi phạm 3:30:00 Thời gian kết thúc vi phạm 4:30:00. Khoảng thời gian vi phạm là 1h.
9	1/3/2014 4:30:00	1/3/2014 14:30:00	10h	Dừng Đổ	Thời gian dừng >7h => nên tính lại tổng thời gian lái xe trong ngày = 0h.